

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Biên bản hội nghị tổng kết việc thực hiện dự án
*Phát triển liên kết chuỗi giá trị để cải thiện hệ thống sản xuất sản phẩm
nhỏ ở Việt Nam và Indonesia” (Dự án AGB/2012/078)*

Địa điểm tổ chức Hội nghị:

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông lâm nghiệp Tây Bắc, thuộc Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc;

Địa chỉ: Xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

Thời gian tổ chức Hội nghị:

Ngày 25/6/2020

Mục tiêu tổ chức Hội nghị:

- Giới thiệu các kết quả của Dự án tới các cơ quan chuyên môn của tỉnh, nông dân, cán bộ địa phương và một số cơ sở chế biến tham gia chuỗi giá trị sản;
- Thảo luận hướng tới mở rộng ứng dụng các giống sản mới và những kỹ thuật canh tác sản bền vững tại tỉnh Sơn La.

(Chương trình hội nghị đính kèm ở cuối Biên bản)

Chủ trì Hội nghị

- Bà Cẩm Thị Phong, Phó Giám đốc Sở NN&PTNT Sơn La
- Ông Lưu Ngọc Quyến, Phó Viện trưởng, Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc

Đại biểu tham dự:

Tổng số có 58 đại biểu tham dự, bao gồm:

- Sở NN &PTNT Sơn La: Lãnh đạo Sở và lãnh đạo, nhân viên các phòng, ban, trung tâm trực thuộc.
- Các huyện triển khai Dự án (huyện Thuận Châu và Mai Sơn): Lãnh đạo huyện, lãnh đạo và nhân viên Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp.
- Các xã là địa bàn của Dự án (Nà Ót, Chiềng Chăn, Púng Tra, Bó Mười): Lãnh đạo xã, cán bộ khuyến nông xã, nông dân trực tiếp tham gia các hoạt động của Dự án, một số nông dân khác có trồng sản, lãnh đạo một số bản.
- Đơn vị chủ trì và thực hiện chính Dự án - Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc: Lãnh đạo Viện, Lãnh đạo phòng Khoa học & và Hợp tác quốc tế, các cán bộ tham gia chính việc thực hiện Dự án.

- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông lâm nghiệp Tây Bắc trực thuộc Viện KHKT NLN Miền núi phía Bắc: Lãnh đạo Trung tâm và một số cán bộ nghiên cứu.
- Nhà máy Tinh bột sắn Sơn La (FOCOCEV) tại xã Mường Bon, huyện Mai Sơn: ông Nguyễn Quang Tuấn, Phó Giám đốc Nhà máy.
- Trung tâm thông tin thuộc Sở KH&CN Sơn La
- Đài truyền hình Sơn La
- Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT)
(Xem danh sách đại biểu ở phụ lục kèm theo)

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CHÍNH CỦA HỘI NGHỊ

1. Thăm mô hình

Tất cả các đại biểu được hướng dẫn thăm mô hình sản xuất thử và nhân 2 giống sắn mới đã được Dự án đánh giá là phù hợp cho mở rộng sản xuất ở Sơn La (giống BK và giống 13Sa05).

Các đại biểu đã nghe giới thiệu về 2 giống sắn BK và 13Sa05. Đây là 2 giống đã được Dự án thử nghiệm trong 3 năm tại Sơn La, cho năng suất cao hơn 2 giống hiện được trồng phổ biến tại địa phương là KM94 và Lá Tre. Ngoài ra, hai giống này còn có ưu điểm là thấp cây, chống đổ tốt, nhiều củ, củ to và ngắn, dễ thu hoạch, hàm lượng tinh bột tương đương KM94 và Lá Tre (29-30%). Một số nông dân thể hiện mong muốn sử dụng 2 giống này trong sản xuất.

2. Báo cáo kết quả chính của Dự án

2.1. Báo cáo kết quả nghiên cứu chuỗi giá trị sắn tại Sơn La

Hội nghị đã nghe cán bộ Dự án trình kết quả nghiên cứu về chuỗi giá trị sắn tại Sơn La. Một số điểm chính bao gồm:

- Nhiều khâu thu gom, vận chuyển trung gian giữa nông dân sản xuất củ sắn tươi và người chế biến cuối cùng, dẫn đến giá bán sắn của nông dân chênh lệch nhiều so với giá thu mua của nhà máy
- Chưa có loại phân bón phù hợp cho sắn (là cây lấy củ); Lượng phân bón nông dân hiện sử dụng bón cho sắn còn ít so với nhu cầu của cây, đặc biệt là ở những vùng xa.
- Nông dân chưa tiếp cận được nhiều những dịch vụ khuyến nông và hỗ trợ khác trong canh tác sắn.
- Chưa có liên kết giữa các tác nhân tham gia chuỗi giá trị sắn, giữa người sản xuất và các nhà máy chế biến sắn.

- Nhu cầu của người trồng sắn:
 - Về giống sắn: Cần thêm giống có thể sử dụng ăn tươi cho chăn nuôi, năng suất cao.
 - Về phân bón: Có loại phân bón phù hợp cho sắn tại thị trường địa phương.
 - Về kỹ thuật: Có phương pháp trồng, phương pháp bón phân phù hợp. Các kỹ thuật canh tác bền vững, giảm xói mòn đất, cần dễ làm và tốn ít công lao động, ít chi phí đầu tư.
 - Về tiêu thụ: Mong muốn bán được sắn với giá cao, ổn định, không bị ép giá.
- Nhu cầu của các nhà máy chế biến:
 - Mong muốn có thể rải vụ thu hoạch sắn để tăng thời gian nhà máy có thể mua nguyên liệu để vận hành chế biến.
 - Mong muốn có thêm những giống sắn mới trong sản xuất, có hàm lượng tinh bột cao.

2.2. Báo cáo kết quả thử nghiệm đồng ruộng của Dự án

- Về phân bón: Dự án đã xác định được mức phân bón và cách bón phân mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho canh tác sắn tại Sơn La. Sử dụng phân đơn, chứa N, P, K riêng rẽ, ở mức 40N/10P/40K (tương đương với 87 kg đạm urê + 142 kg supe lân + 80 kg kali clorua), chia bón làm 3 lần (1 lần bón lót và 2 lần bón thúc) cho hiệu quả kinh tế cao nhất, năng suất của KM94 đạt 20 tấn/ha. Với cùng cách sử dụng và bón phân, tăng mức phân bón lên 60N/15P/60K (tương đương với 130 kg đạm urê + 213 kg supe lân + 120 kg kali corua) làm năng suất sắn tăng hơn, nhưng hiệu quả kinh tế tính cho một ngày công lao động lại bị giảm.
- Về kỹ thuật canh tác bền vững, hạn chế xói mòn, rửa trôi đất: Các kỹ thuật như trồng xen đậu đỗ, trồng băng cỏ để ngăn xói mòn đất hoặc làm băng chắn bằng thân cành cây sắn vụ trước tuy có tác dụng hạn chế đất bị rửa trôi và cho thêm thu nhập từ đậu đỗ hoặc cho thu hoạch cỏ chăn nuôi, nhưng lại đòi hỏi đầu tư thêm nhiều công lao động và cả một số vật tư. Điều này gây khó khăn lớn, cản trở nông dân ứng dụng các kỹ thuật này. Mặt khác, với những nương có độ dốc cao, tác động bảo vệ đất, ngăn cho đất không bị rửa trôi của những kỹ thuật này không đáng kể.
- Về mật độ: Dự án đã xác định được mật độ trồng phù hợp là 12.500 cây/ha, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn đôi với giống sắn KM94 (giống đang được trồng phổ biến ở Sơn La)
- Về rải vụ thu hoạch: Dự án đã thử nghiệm nhiều thời điểm thu hoạch khác nhau đối với giống KM94 và kết quả cho thấy, nếu trồng vào tháng 4 - tháng 5 thì củ thu hoạch muộn (từ tháng 4 tới tháng 11 năm sau) vẫn có hàm lượng tinh bột trên 24,5% (nhà máy mua củ có hàm lượng tinh bột từ 22% trở lên để chế biến) và năng suất cũng như hiệu quả kinh tế tương đương hoặc cao hơn so với thu

hoạch vào chính vụ (tháng 12 - tháng 3 năm sau), với điều kiện bán được sản với giá cao hơn chính vụ.

3. Thảo luận hướng tới mở rộng ứng dụng các giống sản mới và những kỹ thuật canh tác sản bền vững tại tỉnh Sơn La

Hội nghị đã thảo luận các nội dung chính dưới đây.

a) Thảo luận về việc ứng dụng các kỹ thuật do Dự án thử nghiệm và giới thiệu:

Ý kiến của nông dân và cán bộ các bản, xã nơi thực hiện Dự án cho thấy: sau 3 năm thực hiện (kết hợp các hoạt động thử nghiệm kỹ thuật, xây dựng mô hình trình diễn, tổ chức các buổi thăm quan và hội nghị đầu bờ, các buổi tập huấn) Dự án đã góp phần thay đổi nhận thức và thực hành kỹ thuật canh tác sản tại địa phương. Cụ thể:

- Về giống sản mới: Nông dân đánh giá cao 2 giống sản mới (BK và 13Sa05); Các hộ tham gia trồng thử 2 giống này đã chủ động giữ lại giống để trồng ở các vụ sau và chia sẻ cho một số hộ trong bản trồng thử. Một số hộ nói họ sẵn sàng mua hom những giống sản mới tốt để trồng.
- Về băng cỏ chăn xói mòn: Kỹ thuật này được nông dân tại Púng Tra, Chiềng Chăn, Bó Mười ghi nhận về tác động hạn chế xói mòn đất và đồng thời có thể cho thu cỏ làm thức ăn chăn nuôi. Tuy nhiên, việc chăm sóc cỏ khó khăn, và do nương ở xa nên việc thu hoạch cỏ mang về dùng cho chăn nuôi là rất khó. Vì vậy, nông dân thường chỉ tận dụng những chỗ đất hoang, thừa gần nhà để trồng cỏ chăn nuôi, chứ không ứng dụng trồng băng cỏ trên nương sản dốc.
- Về băng chắn bằng thân, cành sản vụ trước: Kỹ thuật này dễ làm, không cần đầu tư thêm kinh phí nên một số hộ ở điểm Nà Ót sau khi được tập huấn và thăm quan mô hình đã ứng dụng cho nương sản của mình.
- Về kỹ thuật trồng và sử dụng phân bón: Sau khi được tập huấn và thăm quan mô hình một số hộ đã bổ sung thêm phân bón lót, bón thúc cho sản, nhất là phân kali. Họ cũng đã biết trồng hom sản đúng mật độ, khoảng cách và đặt hom sản quay cùng về một phía, bón phân vào vị trí ra rễ của hom sản... là những kỹ thuật có hiệu quả rất cao mà họ học được từ dự án.
- Về dụng cụ nhỏ sản: Một số nông dân ghi nhận sự thuận lợi của việc sử dụng dụng cụ nhỏ củ (thu hoạch) sản; họ đã cải tiến dụng cụ cho nhỏ gọn và dễ sử dụng hơn.

b) Thảo luận về kết nối giữa sản xuất (nông dân) với tiêu thụ (nhà máy chế biến sản).

Ý kiến của Nhà máy tinh bột sản FOCOCEV:

Tổng công ty FOCOCEV có 14 nhà máy tại Việt Nam, chủ yếu ở miền trong. Các nhà máy phía trong gần như đủ nguyên liệu chế biến quanh năm. Tuy nhiên, tại Sơn La, hiện tại thời gian hoạt động của Nhà máy chỉ từ cuối tháng 10 đến đầu tháng 4

năm sau (Công suất của Nhà máy là 1.000 – 1.200 tấn củ tươi/ngày). Các tháng trong vụ thường xảy ra việc thừa nguyên liệu, nhưng các tháng còn lại nhà máy không hoạt động do thiếu nguyên liệu. Năm năm trước, Nhà máy đã thực hiện xây dựng vùng nguyên liệu, đã đầu tư phân bón, giống và vật tư cho nông dân, nhưng tới khi thu hoạch sản nông dân lại bán củ tươi cho người khác, không thực hiện cam kết bán sản phẩm cho Nhà máy. Vì thế, hiện tại Nhà máy mua củ sản tươi theo giá thị trường, không có cam kết hay ký thỏa thuận nào với nông dân. Các năm gần đây, Nhà máy không thể mua sản trực tiếp từ người dân mà phải qua thương lái, trong năm 2019 nhà máy mua từ thương lái với giá củ tươi là 1.500 – 1.800 đồng/kg, nhưng giá bán của dân cho các người thu gom chỉ đạt 800-1000 đ/kg, như vậy chi phí trung gian quá cao trong khi chất lượng sản tươi qua nhiều khâu bị giảm mạnh (sản chảy nhựa). Nhà máy rất mong muốn nông dân có thể liên hệ và bán sản trực tiếp cho Nhà máy để có lợi nhuận cao hơn. Nhà máy sẽ ưu tiên cân mua sản khi nông dân trực tiếp vận chuyển tới Nhà Máy (nông dân không cần xếp hàng chờ lâu nếu đông). Mong muốn của Nhà máy là nông dân có thể thực hiện rải vụ thu hoạch để Nhà máy có thể thu mua nguyên liệu và kéo dài thời gian hoạt động chế biến. Nhà máy sẵn sàng trả giá cao hơn cho sản mua vào thời điểm trái vụ, với điều kiện hàm lượng tinh bột trong củ tươi bằng hoặc hơn 22%, và tổng sản lượng phải đủ để nhà máy hoạt động với ít nhất 30% công suất (300 tấn củ tươi/ngày).

Ý kiến của nông dân:

Hiện tại Sơn La chỉ có 1-2 giống sản, lúc thu hoạch thì thu ồ ạt (tháng 12 đến tháng 1), khi bán thì bán cho người trả giá cao hơn, diện tích trồng sản nhỏ lẻ, xa đường giao thông, nên chi phí vận chuyển cao, vì thế giá sản tại những nương xa nhà máy như ở Púng Tra rất thấp, có thời điểm chỉ 700 – 900 đồng/kg. Năng suất sản thấp, nương rải rác, xa nhau, khó liên kết giữa các hộ. Nông dân trồng sản thường là nghèo, khả năng đầu tư thấp, đất sản thường là đất dốc đã bị thoái hóa lại ở xa, nhiều loại phân bón chưa có sẵn trên thị trường (ví dụ như phân kali khó tìm mua tại Thuận Châu). Mong muốn có nhiều giống sản mới năng suất cao, có thể trồng hoặc thu hoạch rải vụ; mong muốn nhà máy thu mua với giá cao, cơ quan nhà nước có các chính sách hỗ trợ.

c) Thảo luận về những giải pháp để khắc phục các vấn đề trên nhằm tăng cường liên kết giữa sản xuất và chế biến

Ý kiến của lãnh đạo Sở NN&PTNT:

Liên kết giữa các nhà máy và nông dân còn yếu, cần có khâu trung gian hỗ trợ để khắc phục các hạn chế trên, nhất là nâng cao giá bán cho người dân, nhà máy có nguyên liệu tốt trong thời gian dài hơn. Sở đề xuất Trung tâm Vật tư nông nghiệp và hệ thống khuyến nông làm nhiệm vụ hỗ trợ kết nối giữa nhà máy và nông dân. Khuyến nông viên có thể nhận vật tư, giống từ nhà máy hoặc các đơn vị nghiên cứu và chuyển giao cho nông dân và những hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, sau làm đầu mối giúp nhà máy thu gom mua lại sản của nông dân. Sở NN&PTNT sẽ giúp hỗ trợ kết nối khuyến nông với nhà máy và nông dân.

Ý kiến của Nhà máy Tinh bột sắn Sơn La (FOCOCEV):

Nhà máy sẵn sàng hỗ trợ về giống mới, kỹ thuật và liên kết và bao tiêu sản phẩm cho nông dân, ưu tiên khi nông dân mang sản phẩm đến bán trực tiếp cho nhà máy. Nhà máy cũng mong muốn có thể mua nguyên liệu vào trái vụ đủ để kéo dài thời gian hoạt động của nhà máy.

Nhà máy sẵn sàng tham gia cùng với bên nghiên cứu để thử nghiệm giống nếu cần trước khi giới thiệu cho nông dân.

Ý kiến của Viện Khoa học kỹ thuật NLN miền núi phía Bắc và một số nhà nghiên cứu:

Cần xây dựng các tiểu vùng nguyên liệu dựa vào điều kiện thời tiết và giống sắn, thời vụ trồng... để có thể kéo dài thời vụ thu hoạch sắn; Tỉnh cần có quy hoạch vùng trồng, phối hợp với nhà máy chế biến xây dựng kế hoạch trồng và thu hoạch sắn đối với từng tiểu vùng, với tổng diện tích đủ lớn, để có đủ sản lượng bán cho nhà máy chế biến kéo dài thời gian hoạt động. Cần có biện pháp bảo quản củ sắn tươi dài hơn nhằm kéo dài thời gian bảo quản và chế biến, và ứng dụng các công nghệ chế biến tinh bột sắn từ sắn lát khô để có thể đảm bảo nguyên liệu cho nhà máy hoạt động quanh năm.

Ý kiến của nông dân:

Đề nghị các nhà nghiên cứu giúp chọn ra các giống sắn mới có năng suất cao, chống sâu bệnh, rải vụ thu hoạch phù hợp với điều kiện của Sơn La; phổ biến các kỹ thuật phù hợp để nâng cao giá trị cây sắn. Đề nghị nhà nước có chính sách hỗ trợ giống vật tư, kỹ thuật, và đảm bảo giá sắn cao cho các hộ trồng sắn.

Ý kiến của CIAT:

Như vậy cần xây dựng và thử nghiệm một mạng lưới (hệ thống) liên kết giữa nghiên cứu, tổ chức sản xuất, sản xuất (nông dân) với tiêu thụ (nhà máy chế biến), và cũng để phổ biến, thúc đẩy mở rộng các giống sắn mới và các tiến bộ kỹ thuật. Nếu cần một hệ thống như vậy sẽ phải thử nghiệm, đánh giá và điều chỉnh, hoàn thiện trong thời gian bao lâu để sau đó có thể được các bên tham gia có thể duy trì và phát triển một cách bền vững?

Hội nghị đã nhất trí với các ý kiến của CIAT và đề xuất cần 3 năm để khảo sát, xây dựng, thử nghiệm hệ thống, đánh giá và hoàn thiện hệ thống trước khi hệ thống này có thể tự vận hành và nhân rộng.

4. Kết luận và kết thúc Hội nghị

Bà Cẩm Thị Phong, PGĐ Sở NN&PTNT Sơn La: Dự án có một số kết quả phù hợp để mở rộng tại Sơn La. Về giống, Dự án đã chọn ra 2 giống sắn là giống BK và giống 13Sa05 cho năng suất cao, hàm lượng tinh bột cao. Về phân bón, Dự án cũng đã xác định được mức phân bón phù hợp với địa phương, không quá cao, phù hợp với

khả năng đầu tư của nông dân. Về các biện pháp canh tác, Dự án đã giới thiệu một số kỹ thuật canh tác hạn chế xói mòn đất.

Các đại biểu cũng đã thảo luận nêu nhiều ý kiến, nhất là về kết nối giữa người trồng sắn và nhà máy chế biến. Sở sẽ báo cáo và đề xuất UBND tỉnh về một số giải pháp đề quy hoạch và xây dựng vùng trồng sắn chuyên canh, có khả năng hiệu quả cao, có khả năng rải vụ lớn nhất; tăng cường kết nối giữa nghiên cứu, sản xuất với chế biến, tăng cường thúc đẩy mở rộng ứng dụng giống mới và một số kỹ thuật trong sản xuất.

Ông Lưu Ngọc Quyên, Phó Viện trưởng Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc bệ mạc Hội nghị: Cảm ơn các đại biểu tới dự Hội nghị, các cán bộ tham gia thực hiện Dự án, cảm ơn nhà Tài trợ và mong muốn các bên tiếp tục hợp tác, Sở NN&PTNT và Tỉnh có cơ chế thúc đẩy để phát triển được liên kết giữa sản xuất và chế biến, giữa nghiên cứu và thực hành.

Phụ lục 1: Chương trình Hội nghị

Thời gian	Nội dung	Phụ Trách
8h00 - 8h30	Đón tiếp, đăng ký đại biểu	BTC
8h30 - 8h40	Phát biểu chào mừng và khai mạc hội thảo	Viện KHKT NLN MNPB
8h40 - 8h50	Phát biểu của lãnh đạo Sở NN&PTNT	Sở NN&PTNT
8h50 - 09h50	Thăm một số thử nghiệm, mô hình tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông lâm nghiệp Tây Bắc	Tất cả đại biểu
09h50 - 10h00	Chụp ảnh, nghỉ giải lao	
10h00 - 11h10	<i>Giới thiệu một số kết quả nghiên cứu chính của Dự án</i>	
	- Kết quả nghiên cứu chuỗi giá trị sản Sơn La	CIAT
	- Kết quả thử nghiệm đồng ruộng	Viện KHKT NLN MNPB
	Ăn trưa tại TT Tây Bắc	Tất cả đại biểu
11h10 - 12h30	Thảo luận về các thử nghiệm và phương hướng mở rộng ứng dụng các kết quả	
	- Các ý kiến thảo luận của các đại biểu về các thử nghiệm	Tất cả đại biểu
	- Ý kiến thảo luận của nông dân và cán bộ các xã, huyện tham gia thực hiện Dự án về kết quả thử nghiệm, tác động của các kỹ thuật, các giống sản mới do Dự án giới thiệu và thử nghiệm, những khó khăn để nông dân ứng dụng, những đề xuất	Nông dân và các cán bộ xã, huyện của DA
	- Ý kiến của CIAT	
	- Ý kiến của Sở NN & PTNT	
12h30 - 12h45	Kết thúc hội thảo	UBND tỉnh Sơn La/ Viện KHKTNLN MNPB

Phụ lục 2: Danh sách đại biểu tham dự Hội nghị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Địa chỉ
1	Cầm Thị Phong	Phó Giám đốc Sở	Sở NN&PTNT
2	Cầm Thị Thắm	PGĐ Trung tâm	TT KN tỉnh Sơn La
3	Phạm Thị Lan	Chi cục phó	Chi cục TT&BVTV
4	Ngô Mạnh Cường	Chuyên viên	Chi cục TT&BVTV
5	Nguyễn Xuân Hoàng	Phó CT UBND huyện	UBND huyện Thuận Châu
6	Tòng Văn Diên		Phòng NN huyện Thuận Châu
7	Quàng Thị Phượng	Chuyên viên	TTDVNN huyện Thuận Châu
8	Phạm Đức Toàn		TT DVNN huyện Mai Sơn
9	Vũ Đình Mạnh		TT DVNN huyện Mai Sơn
10	Nghiêm Quang Trung		Phòng NN huyện Mai Sơn
11	Nguyễn Quang Tuấn	Phó GD	Nhà máy Tinh bột sắn Sơn La (FOCOCEV)
12	Cù Thị Lệ Thủy		TT NC NN nhiệt đới Quốc Tế (CIAT)
13	Lưu Ngọc Quyến	Phó Viện trưởng	Viện KHKT NLN MN phía Bắc
14	Phạm Thị Sến	Giám đốc dự án	Viện KHKT NLN MN phía Bắc
15	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng phòng KH&JTQT	Viện KHKT NLN MN phía Bắc
16	Mai Thu Hà	Nghiên cứu viên	Viện KHKT NLN MN phía Bắc
17	Lê Việt Dũng	Nghiên cứu viên	Viện KHKT NLN MN phía Bắc
18	Nguyễn Phi Hùng	Giám đốc Trung tâm	TT NC&PT NLN Tây Bắc
19	Phan Huy Chương	Nghiên cứu viên	TT NC&PT NLN Tây Bắc
20	Nguyễn Tiến Sinh	Nghiên cứu viên	TT NC&PT NLN Tây Bắc
21	Bùi Thị Hằng	Nghiên cứu viên	TT NC&PT NLN Tây Bắc
22	Hoàng Xuân Thảo	Phó Trưởng Bộ môn Canh tác	TT NC&PT NLN Tây Bắc
23	Lường Văn Tiệp	Chủ tịch xã	Chiềng Chăn - Mai Sơn
24	Lường Văn Tất	Hội nông dân xã	Chiềng Chăn - Mai Sơn
25	Lò Văn Phương	Nông dân	Chiềng Chăn - Mai Sơn
26	Lường Văn Nguyên	Nông dân	Chiềng Chăn - Mai Sơn
27	Lèo Văn Nhất	Khuyến nông xã	Chiềng Chăn - Mai Sơn
28	Lường Văn Thơm	Nông dân	Chiềng Chăn - Mai Sơn
29	Phạm Quỳnh Nga	Hội nông dân xã	Nà Ót - Mai Sơn
30	Vì Văn Thiện	Nông dân	Nà Ót - Mai Sơn
31	Lò Văn Hà	Nông dân	Nà Ót - Mai Sơn
32	Lò Văn Quảng	Nông dân	Nà Ót - Mai Sơn
33	Lường Văn Quân	Nông dân	Nà Ót - Mai Sơn
34	Tòng Văn Vĩnh	Nông dân	Nà Ót - Mai Sơn
35	Vì Văn Hom	Nông dân	Nà Ót - Mai Sơn

36	Vì Văn Thương	Nông dân	Nà Ốt - Mai Sơn
37	Lường Văn Loan	Hội nông dân xã	Púng Tra - Thuận Châu
38	Lò Văn Hồng	Khuyến nông xã	Púng Tra - Thuận Châu
39	Lò Văn Tâm	Khuyến nông xã	Púng Tra - Thuận Châu
40	Lò Văn Định	Nông dân	Púng Tra - Thuận Châu
41	Lường Văn Tường	Nông dân	Púng Tra - Thuận Châu
42	Lường Văn Dũng	Nông dân	Púng Tra - Thuận Châu
43	Lường Văn Thắm	Nông dân	Púng Tra - Thuận Châu
44	Quàng Văn Kiên	Nông dân	Púng Tra - Thuận Châu
45	Lường Văn Minh	Nông dân	Púng Tra - Thuận Châu
46	Lò Thị Tươn	Nông dân	Púng Tra - Thuận Châu
47	Lò Văn Nhân	Nông dân	Púng Tra - Thuận Châu
48	Lường Văn Hùng	Chủ tịch xã	Bó Mươi - Thuận Châu
49	Lò Văn Dũng	Nông dân	Bó Mươi - Thuận Châu
50	Quàng Văn Ước	Nông dân	Bó Mươi - Thuận Châu
51	Lò Văn Điển	Khuyến nông xã	Bó Mươi - Thuận Châu
52	Lò Văn Nội	Nông dân	Bó Mươi - Thuận Châu
53	Quàng Văn Tại	Nông dân	Bó Mươi - Thuận Châu
54	Lò Tiến Thành	Nông dân	Bó Mươi - Thuận Châu
55	Phan Văn Dương	Cán bộ truyền thông	TTTT - Sở KH&CN
56	Phạm Trang Nhung	Cán bộ truyền thông	TTTT - Sở KH&CN
57	Sa Hằng	Cán bộ truyền thông	Đài truyền hình Sơn La
58	Bích Liên	Cán bộ truyền thông	Đài truyền hình Sơn La